

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-SGDĐT ngày 24/01/2026)

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THU/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
1	PHẠM THỊ NGỌC	ANH	080 / 001765	THCS Định Sơn	X. CẨM GIANG	8,00	
2	TRỊNH KHÁNH	HUYỀN	036 / 000792	THCS Chu Văn An	P. GIA VIÊN	7,50	
3	NGUYỄN NGỌC	LINH	037 / 000822	THCS Kỳ Sơn	X. VIỆT KHÉ	7,50	
4	NGUYỄN HÀ	MY	038 / 000843	THCS Lê ích Mộc	P. THỦY NGUYÊN	7,50	
5	PHAN THÙY	PHƯƠNG	040 / 000887	THCS Ngô Gia Tự	P. HỒNG BÀNG	7,50	
6	VŨ HƯƠNG	GIANG	082 / 001803	THCS Vũ Hữu	X. ĐƯỜNG AN	7,50	
7	MAI THÙY	DƯƠNG	035 / 000760	THCS Lê Lợi	P. HẢI AN	7,25	
8	NGUYỄN BẠCH	DƯƠNG	035 / 000762	THCS Hồng Bàng	P. HỒNG BÀNG	7,25	
9	PHẠM THỊ PHƯƠNG	LINH	038 / 000829	THCS Hiệp Hòa-Hùng Tiến	X. VINH HÒA	7,25	
10	CAO NGUYỆT	THANH	040 / 000894	THCS Đông Hải	P. ĐÔNG HẢI	7,25	
11	LÂM HẢI QUỲNH	THỨ	041 / 000913	THCS Ngô Gia Tự	P. HỒNG BÀNG	7,25	
12	CHU TRẦN BẢO	CHÂU	081 / 001776	THCS Phú Thái	X. PHÚ THÁI	7,25	
13	BÙI KHÁNH	LINH	084 / 001841	THCS Phan Bội Châu	X. TỨ KỶ	7,25	
14	VŨ THỊ NGỌC	LINH	084 / 001855	THCS Nguyễn Trãi	X. NAM SÁCH	7,25	
15	VY PHƯƠNG	LY	084 / 001857	THCS Phả Lại	P. CHÍ LINH	7,25	
16	NGUYỄN TRÀ	MY	085 / 001866	THCS Nguyễn Lương Bằng	X. THANH MIỆN	7,25	
17	LÊ THỊ KIM	NGÂN	085 / 001871	THCS Phạm Sư Mạnh	P. KINH MÔN	7,25	
18	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	087 / 001908	THCS Phạm Sư Mạnh	P. KINH MÔN	7,25	
19	PHẠM THANH	THẢO	087 / 001911	THCS Liên Hòa	X. KIM THÀNH	7,25	
20	VŨ QUỲNH	ANH	034 / 000732	THCS Đông Hoà	P. KIẾN AN	7,00	
21	LƯƠNG NGỌC	ÁNH	034 / 000734	THCS Lương Khánh Thiện	P. PHÚ LIỄN	7,00	
22	ĐỖ BẢO	BẢO	034 / 000739	THCS Thị Trấn Núi Đồi	X. KIẾN THUY	7,00	
23	ĐẶNG THỊ THANH	DUYÊN	035 / 000755	THCS Hợp Thành	P. LÊ ÍCH MỘC	7,00	
24	VŨ NGỌC	HÀ	035 / 000776	THCS Chu Văn An	P. GIA VIÊN	7,00	
25	NGUYỄN HÀ	LINH	037 / 000816	THCS Lê Lợi	P. HẢI AN	7,00	
26	NGÔ BẢO	NGỌC	039 / 000852	THCS Lương Khánh Thiện	P. PHÚ LIỄN	7,00	
27	LIU PHƯƠNG	ANH	080 / 001752	THCS Lai Cách	P. VIỆT HOÀ	7,00	
28	TRƯƠNG KHÁNH	CHI	081 / 001785	THCS Chu Văn An	P. TRẦN HUNG ĐẠO	7,00	
29	NGUYỄN THẢO	DIỆP	081 / 001790	THCS Chu Văn An	P. TRẦN HUNG ĐẠO	7,00	
30	NGUYỄN DIỆU	LINH	084 / 001845	THCS Lê Quý Đôn	P. LÊ THANH NGHỊ	7,00	
31	NGUYỄN PHƯƠNG	NHI	086 / 001884	THCS ứng Hòe	X. VINH LẠI	7,00	
32	NGUYỄN KIỀU	OANH	086 / 001893	THCS Vũ Hữu	X. ĐƯỜNG AN	7,00	
33	LÊ THANH	TÂM	086 / 001901	THCS Thanh Quang	X. HÀ ĐÔNG	7,00	
34	PHẠM TRỊNH MINH	TÂM	086 / 001902	THCS Ninh Thành	X. VINH LẠI	7,00	
35	HÀ PHƯƠNG	THẢO	087 / 001906	THCS Vĩnh Hồng	X. KÊ SẮT	7,00	
36	NGUYỄN THỊ THU	THÚY	087 / 001913	THCS Phạm Sư Mạnh	P. KINH MÔN	7,00	
37	VŨ QUỲNH	TRANG	088 / 001931	THCS Vũ Hữu	X. ĐƯỜNG AN	7,00	
38	HOÀNG ĐẶNG BẢO	TRINH	088 / 001932	THCS Lê Thanh Nghị	X. GIA LỘC	7,00	
39	ĐÀO NGUYỆT	ANH	033 / 000711	THCS Lưu Kiếm	P. LƯU KIẾM	6,75	
40	ĐỖ TRÂM	ANH	033 / 000714	THCS Bạch Đằng	P. HỒNG BÀNG	6,75	
41	HÀ THÙY	DƯƠNG	035 / 000757	THCS Võ Thị Sáu	P. AN BIÊN	6,75	
42	LƯƠNG THÙY	DƯƠNG	035 / 000759	THCS Chu Văn An	P. GIA VIÊN	6,75	
43	HOÀNG THỊ KHÁNH	LINH	037 / 000809	THCS Tiên Minh	X. TIÊN MINH	6,75	
44	PHẠM BẢO	NGỌC	039 / 000858	THCS Lạc Viên	P. NGÔ QUYẾN	6,75	
45	ĐỒNG DIỆP	NHƯ	040 / 000875	THCS Lê Lợi	P. HẢI AN	6,75	
46	BÙI THỊ KIỀU	OANH	040 / 000877	THCS Hoa Động	P. THỦY NGUYÊN	6,75	
47	TRẦN KHÁNH	VY	042 / 000935	THCS Dư Hàng Kênh	P. LÊ CHÂN	6,75	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THU/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
48	NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	082 / 001801	THCS Chu Văn An	P. TRẦN HUNG ĐẠO	6,75	
49	NGUYỄN THU	HÀ	082 / 001808	THCS Bình Xuyên	X. THƯỢNG HỒNG	6,75	
50	VŨ KHÁNH	LINH	084 / 001854	THCS Thành Nhân	X. NINH GIANG	6,75	
51	TRẦN VŨ CẨM	NINH	086 / 001892	THCS Chu Văn An	X. THANH HÀ	6,75	
52	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THANH	086 / 001903	THCS Tân Trường	X. MAO ĐIỀN	6,75	
53	BÙI THỊ MAI	TRANG	087 / 001920	THCS Hồng Lạc	X. HÀ BẮC	6,75	
54	NGUYỄN THUY	TRANG	088 / 001927	THCS Hưng Đạo	X. ĐẠI SƠN	6,75	
55	TÔ CHÚC	AN	033 / 000708	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	6,50	
56	NGUYỄN LINH	CHI	034 / 000749	THCS Trần Phú	P. PHÙ LIÊN	6,50	
57	ĐÔNG NGỌC	DIỆP	034 / 000752	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	6,50	
58	NGUYỄN LÊ THẢO	DUYÊN	035 / 000756	THCS Hồng Phong	P. AN PHONG	6,50	
59	PHẠM MINH	ĐỨC	035 / 000766	THCS Đăng Lâm	P. HẢI AN	6,50	
60	CAO LÊ HƯƠNG	GIANG	035 / 000768	THCS Hồng Bàng	P. HỒNG BÀNG	6,50	
61	NGUYỄN NGỌC	HÂN	036 / 000782	THCS Đồng Hoà	P. KIẾN AN	6,50	
62	NGUYỄN VÂN	KHÁNH	036 / 000799	THCS Chu Văn An	P. GIA VIÊN	6,50	
63	ĐỖ HÀ	LINH	037 / 000808	THCS An Lư	P. HÒA BÌNH	6,50	
64	VŨ HOÀNG CẨM	LY	038 / 000837	THCS Anh Dũng	P. HUNG ĐẠO	6,50	
65	VŨ KHÁNH	NGỌC	039 / 000862	THCS Thắng Thủy-Vĩnh Long	X. VINH THỊNH	6,50	
66	PHẠM MINH HÀ	PHƯƠNG	040 / 000885	THCS Lê Lợi	P. HẢI AN	6,50	
67	TRƯƠNG THỊ HOÀI	THU	041 / 000910	THCS Đà Nẵng	P. NGÔ QUYÊN	6,50	
68	BÙI QUỐC	VIỆT	042 / 000929	THCS Võ Thị Sáu	P. AN BIÊN	6,50	
69	TRẦN HOÀNG	YẾN	042 / 000939	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	6,50	
70	ĐÀM DIỆP	ANH	080 / 001748	THCS Vũ Hữu	X. ĐƯỜNG AN	6,50	
71	NGUYỄN DIỆP	ANH	080 / 001753	THCS Nguyễn Trãi	X. NAM SÁCH	6,50	
72	NGUYỄN MINH	ANH	080 / 001756	THCS Phú Thái	X. PHÚ THÁI	6,50	
73	PHẠM HÀ	ANH	080 / 001760	THCS Vũ Hữu	X. ĐƯỜNG AN	6,50	
74	PHẠM TRÂM	ANH	080 / 001766	THCS Lê Thanh Nghị	X. GIA LỘC	6,50	
75	ĐÀO THỊ NGỌC	ÁNH	081 / 001772	THCS Nguyễn Huệ	P. TỨ MINH	6,50	
76	PHẠM MINH	DŨNG	082 / 001795	THCS Nguyễn Trãi	X. NAM SÁCH	6,50	
77	NGUYỄN THUY	DƯƠNG	082 / 001796	THCS Bình Minh	P. LÊ THANH NGHỊ	6,50	
78	NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	082 / 001800	THCS Nguyễn Trãi	X. NAM SÁCH	6,50	
79	LÊ HỒNG	HÀ	082 / 001806	THCS Nhân Quyền	X. NGUYỄN LƯƠNG BẰNG	6,50	
80	MAI NHẬT	HÀ	082 / 001807	THCS Lê Quý Đôn	P. LÊ THANH NGHỊ	6,50	
81	VŨ NGỌC	HUYỀN	083 / 001830	THCS Thanh An	X. HÀ NAM	6,50	
82	PHẠM PHƯƠNG	LÂM	084 / 001840	THCS Nguyễn Lương Bằng	X. THANH MIỀN	6,50	
83	TRẦN PHƯƠNG	LINH	084 / 001853	THCS Chu Văn An	P. TRẦN HUNG ĐẠO	6,50	
84	VŨ LÊ DIỆU	LY	084 / 001856	THCS Ngô Quyền	X. HẢI HUNG	6,50	
85	NGUYỄN THỊ HIỀN	MAI	085 / 001860	THCS Phú Thái	X. PHÚ THÁI	6,50	
86	NGUYỄN THỊ	NGÀ	085 / 001870	THCS Nhân Quyền	X. NGUYỄN LƯƠNG BẰNG	6,50	
87	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	085 / 001873	THCS Tân Bình	P. LÊ THANH NGHỊ	6,50	
88	TRẦN THỊ BẢO	NGỌC	085 / 001880	THCS Thống Nhất	X. YẾT KIỆU	6,50	
89	NGUYỄN THỊ THẢO	NGUYỄN	085 / 001881	THCS An Sơn	X. THÁI TÂN	6,50	
90	NGUYỄN VŨ PHƯƠNG	NHUNG	086 / 001891	THCS Thành Nhân	X. NINH GIANG	6,50	
91	ĐÀO TẤN	PHÁT	086 / 001895	THCS Nguyễn Lương Bằng	X. THANH MIỀN	6,50	
92	HOÀNG THỊ MINH	PHƯƠNG	086 / 001896	THCS Lê Thanh Nghị	X. GIA LỘC	6,50	
93	NGUYỄN MINH	THƯ	087 / 001917	THCS Liên Hòa	X. KIM THÀNH	6,50	
94	NGUYỄN THANH	TRÚC	088 / 001934	THCS Chu Văn An	P. TRẦN HUNG ĐẠO	6,50	
95	TRẦN YÊN	TRÚC	088 / 001937	THCS Phú Thái	X. PHÚ THÁI	6,50	
96	NGUYỄN HUYỀN	AN	033 / 000706	THCS Hợp Đức	P. NAM ĐỒ SƠN	6,25	
97	BÙI MINH	CHÂU	034 / 000743	THCS Lương Khánh Thiện	P. PHÙ LIÊN	6,25	
98	NGUYỄN VŨ MINH	CHÂU	034 / 000744	THCS Hải Thành	P. DƯƠNG KINH	6,25	
99	NGUYỄN KHÁNH	ĐẠT	035 / 000764	THCS Hồng Bàng	P. HỒNG BÀNG	6,25	
100	ĐỖ THỊ THUY	GIANG	035 / 000769	THCS Trần Hưng Đạo	P. LƯU KIỂM	6,25	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.TH/UBND	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
101	LUU HƯƠNG	GIANG	035 / 000770	THCS Mỹ Đồng	P. LÊ ÍCH MỘC	6,25	
102	PHẠM THỊ	HUẾ	036 / 000789	THCS Đông Tây Hưng	X. CHẤN HUNG	6,25	
103	LÊ MAI	HƯƠNG	036 / 000793	THCS Lê Ích Mộc	P. THỦY NGUYÊN	6,25	
104	MAC NGUYỄN MAI	LINH	037 / 000812	THCS Lê Lợi	P. HẢI AN	6,25	
105	NGUYỄN ĐỖ GIA	LINH	037 / 000815	THCS Hồng Bàng	P. HỒNG BÀNG	6,25	
106	NGUYỄN HUYỀN	LINH	037 / 000818	THCS Lạc Viên	P. NGÔ QUYÊN	6,25	
107	NGUYỄN KHẢI	LINH	037 / 000819	THCS Dư Hàng Kênh	P. LÊ CHÂN	6,25	
108	NGUYỄN THỊ NGỌC	LINH	038 / 000826	THCS Chu Văn An	P. GIA VIÊN	6,25	
109	VŨ NHẬT	MAI	038 / 000839	THCS Nguyễn Bình Khiêm	X. VINH BẢO	6,25	
110	LÊ PHƯƠNG	MINH	038 / 000841	THCS Lưu Kiếm	P. LƯU KIẾM	6,25	
111	NGUYỄN KHÁNH	NGỌC	039 / 000854	THCS Nam Hải	P. ĐÔNG HẢI	6,25	
112	PHẠM THỊ BẢO	NGỌC	039 / 000859	THCS Trường Thọ	X. AN TRƯỞNG	6,25	
113	VŨ MAI THANH	NGỌC	039 / 000863	THCS Đại Bản	P. HỒNG AN	6,25	
114	PHẠM THỊ YẾN	NHI	039 / 000870	THCS Bắc Sơn	P. AN DƯƠNG	6,25	
115	NGUYỄN HÀ	PHƯƠNG	040 / 000883	THCS Lê Ích Mộc	P. THỦY NGUYÊN	6,25	
116	PHẠM VŨ MAI	PHƯƠNG	040 / 000886	THCS Nguyễn Bình Khiêm	X. VINH BẢO	6,25	
117	VŨ NHƯ	QUỲNH	040 / 000888	THCS-THPT FPT	P. HẢI AN	6,25	
118	NGUYỄN VŨ ÁNH	SAO	040 / 000889	THCS Đà Nẵng	P. NGÔ QUYÊN	6,25	
119	NGUYỄN ANH	THƯ	041 / 000914	THCS Nguyễn Bá Ngọc	P. AN BIÊN	6,25	
120	NGUYỄN NGỌC MINH	THƯ	041 / 000915	THCS Đông Hải	P. ĐÔNG HẢI	6,25	
121	PHẠM THỊ HÀ	TRANG	041 / 000921	THCS Đà Nẵng	P. NGÔ QUYÊN	6,25	
122	NGUYỄN NGỌC	TRÂM	042 / 000923	THCS Thủy Đường	P. THỦY NGUYÊN	6,25	
123	VŨ THẢO	UYÊN	042 / 000926	THCS Lê Lợi	P. HẢI AN	6,25	
124	PHẠM ĐAN	VY	042 / 000933	THCS Lạc Viên	P. NGÔ QUYÊN	6,25	
125	BÙI NGỌC	YẾN	042 / 000936	THCS Lương Khánh Thiện	P. PHÚ LIÊN	6,25	
126	ĐỖ PHƯƠNG	ANH	080 / 001749	THCS Vũ Hữu	X. ĐƯỜNG AN	6,25	
127	HỒ THỊ HOÀI	ANH	080 / 001751	THCS Liên Hồng	P. THẠCH KHÔI	6,25	
128	PHẠM THỊ LAN	ANH	080 / 001764	THCS Thanh Giang	X. NAM THANH MIỀN	6,25	
129	PHÙNG QUỲNH	ANH	080 / 001767	THCS Đức Chính	X. TUỆ TÍNH	6,25	
130	TRẦN THỊ PHƯƠNG	ANH	080 / 001769	THCS Nguyễn Huệ	P. TỨ MINH	6,25	
131	VŨ THỊ DIỆP	ANH	081 / 001771	THCS Nguyễn Huệ	P. TỨ MINH	6,25	
132	VŨ NGỌC KHÁNH	CHI	081 / 001786	THCS Nguyễn Lương Bằng	X. THANH MIỀN	6,25	
133	ĐẶNG THỊ NGỌC	ĐOAN	082 / 001798	THCS Hiệp Lực	X. NINH GIANG	6,25	
134	ĐÀO THANH	GIANG	082 / 001799	THCS Hồng Phong	X. KHÚC THỪA DỤ	6,25	
135	LÊ THỊ THANH	HẰNG	082 / 001813	THCS Nguyễn Huệ	P. TỨ MINH	6,25	
136	NGUYỄN MINH	HUYỀN	083 / 001823	THCS Phan Bội Châu	X. TỨ KỶ	6,25	
137	NGUYỄN THANH	HUYỀN	083 / 001825	THCS Chu Văn An	X. THANH HÀ	6,25	
138	NGUYỄN THỊ LAN	HƯƠNG	083 / 001832	THCS Liên Hòa	X. KIM THÀNH	6,25	
139	NGUYỄN THỊ VÂN	KHÁNH	083 / 001836	THCS Tuấn Việt	X. LAI KHÉ	6,25	
140	ĐÀM PHƯƠNG	LINH	084 / 001842	THCS Tân Quang II	X. HỒNG CHÂU	6,25	
141	HOÀNG GIA	LINH	084 / 001844	THCS Thanh Xuân	X. HÀ NAM	6,25	
142	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	LINH	084 / 001846	THCS Nguyễn Trãi	X. NAM SÁCH	6,25	
143	TÀNG NGỌC	LINH	084 / 001849	THCS Thanh Lang	X. HÀ NAM	6,25	
144	TÔ PHƯƠNG	LINH	084 / 001851	THCS Kiến Quốc	X. KHÚC THỪA DỤ	6,25	
145	NGUYỄN THẮNG	MINH	085 / 001863	THCS An Sinh	P. PHẠM SỰ MẠNH	6,25	
146	ĐỖ THỊ TRÀ	MY	085 / 001864	THCS Phả Lại	P. CHÍ LINH	6,25	
147	NGUYỄN BÍCH	NGỌC	085 / 001879	THCS Quang Trung	X. LẠC PHƯỢNG	6,25	
148	LƯƠNG THỊ PHƯƠNG	THẢO	087 / 001907	THCS Văn Đức	P. TRẦN NHÂN TÔNG	6,25	
149	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	087 / 001910	THCS Nam Hưng	X. HỢP TIẾN	6,25	
150	NGUYỄN MAI	TRANG	087 / 001925	THCS Kim Liên	X. PHÚ THÁI	6,25	
151	TRẦN THÙY	TRANG	088 / 001929	THCS Kim Anh	X. PHÚ THÁI	6,25	
152	NGUYỄN THỊ HÀ	VI	088 / 001940	THCS Phạm Kha	X. NGUYỄN LƯƠNG BẰNG	6,25	
153	ĐOÀN THỊ NHƯ	Ý	088 / 001945	THCS Thành Nhân	X. NINH GIANG	6,25	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THI/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
154	BÙI LÊ LAN	ANH	033 / 000709	THCS Hồng Phong	P. AN PHONG	6,00	
155	ĐỒNG THỊ HẢI	ANH	033 / 000715	THCS Võ Thị Sáu	P. AN BIÊN	6,00	
156	NGUYỄN NGỌC	ÁNH	034 / 000735	THCS Tân Thắng	X. AN LÃO	6,00	
157	ĐẶNG NGỌC	BÍCH	034 / 000740	THCS Tân Trào	X. KIẾN HUNG	6,00	
158	KHỔNG THÙY	DƯƠNG	035 / 000758	THCS Tam Cường	X. VINH HAM	6,00	
159	NGUYỄN LINH	GIANG	035 / 000771	THCS Chu Văn An	P. GIA VIÊN	6,00	
160	BÙI THỊ THANH	HUYỀN	036 / 000790	THCS Bằng La	P. NAM ĐỒ SƠN	6,00	
161	LÊ THỊ DIỆU	LINH	037 / 000810	THCS Minh Đức	P. BẠCH ĐĂNG	6,00	
162	NGÔ KHÁNH	LINH	037 / 000813	THCS Tiên Thắng - Toàn Thắng	X. TIÊN MINH	6,00	
163	TRẦN KHÁNH	LINH	038 / 000831	THCS Dũng Tiến	X. VINH THUẬN	6,00	
164	ĐỖ MINH PHƯƠNG	NGA	038 / 000846	THCS Nguyễn Bình Khiêm	X. VINH BẢO	6,00	
165	VŨ THIÊN	NGA	038 / 000849	THCS Hoàng Diệu	P. LÊ CHÂN	6,00	
166	DƯƠNG BẢO	NGỌC	039 / 000851	THCS Đồng Minh	X. VINH HẢI	6,00	
167	NGUYỄN BẢO	NGỌC	039 / 000853	THCS Kiến Thiết	X. TÂN MINH	6,00	
168	NGUYỄN THỊ HẢI	NGỌC	039 / 000856	THCS Lưu Kiếm	P. LƯU KIẾM	6,00	
169	TRẦN LÂM BẢO	NGỌC	039 / 000861	THCS Chính Mỹ	P. LÊ ÍCH MỘC	6,00	
170	VŨ MINH	NGỌC	039 / 000864	THCS An Dương	P. AN DƯƠNG	6,00	
171	ĐỖ THỊ MỸ	NHẬT	039 / 000867	THCS Trần Hưng Đạo	P. LƯU KIẾM	6,00	
172	NGUYỄN NGỌC	NHI	039 / 000868	THCS Lương Khánh Thiện	X. AN LÃO	6,00	
173	TRẦN NGỌC	NHI	039 / 000873	THCS Tô Hiệu	P. LÊ CHÂN	6,00	
174	NGUYỄN THỊ MAI	PHƯƠNG	040 / 000884	TH-THCS Lê Khắc Cẩn	X. AN HUNG	6,00	
175	VŨ THÀNH	TÂM	040 / 000893	THCS Đà Nẵng	P. NGÔ QUYẾN	6,00	
176	VŨ MINH	THANH	040 / 000896	THCS Tiên Lãng	X. TIÊN LÃNG	6,00	
177	ĐỖ ANH	THÀNH	040 / 000897	TH-THCS Du Lễ	X. NGHI DƯƠNG	6,00	
178	TRẦN ĐOÀN VY	THẢO	041 / 000904	THCS Nguyễn Văn Cừ	P. HÒA BÌNH	6,00	
179	TRẦN PHƯƠNG	THẢO	041 / 000905	THCS Trương Công Định	P. LÊ CHÂN	6,00	
180	VŨ THỊ THU	THỦY	041 / 000911	THCS Lê Lợi	P. HẢI AN	6,00	
181	MẠC THỊ THU	TRANG	041 / 000918	THCS Phan Chu Trinh	X. VIỆT KHÊ	6,00	
182	NGUYỄN THU	PHƯƠNG	041 / 000919	THCS Quang Trung	X. AN QUANG	6,00	
183	ĐỖ THẢO	VY	042 / 000931	THCS Anh Dũng	P. HÙNG ĐẠO	6,00	
184	NGUYỄN THỊ	YẾN	042 / 000938	THCS Nguyễn Văn Cừ	P. HÒA BÌNH	6,00	
185	NGUYỄN ĐẶNG KIM	ANH	080 / 001754	THCS Phan Bội Châu	X. TƯ KỸ	6,00	
186	NGUYỄN NGỌC	ANH	080 / 001757	THCS An Sơn	X. THÁI TÂN	6,00	
187	NGUYỄN QUỲNH	ANH	080 / 001758	THCS Tân Phong	X. TÂN AN	6,00	
188	PHẠM MỸ	ANH	080 / 001762	TH-THCS Nam Chính	X. TRẦN PHÚ	6,00	
189	NGUYỄN QUỲNH	CHI	081 / 001781	THCS Thanh Hải	X. HÀ TÂY	6,00	
190	DƯƠNG THỊ THU	HÀ	082 / 001804	THCS Văn Tố	X. CHÍ MINH	6,00	
191	HOÀNG THỊ THU	HÀ	082 / 001805	THCS Thống Nhất	X. YẾT KIỀU	6,00	
192	PHẠM THỊ NGÂN	HÀ	082 / 001811	THCS Lê Thanh Nghị	X. GIA LỘC	6,00	
193	BÙI BẢO	HÂN	082 / 001815	THCS Văn Tố	X. CHÍ MINH	6,00	
194	ĐẶNG THANH	HUẾ	083 / 001822	THCS Ngọc Sơn	P. TÂN HUNG	6,00	
195	NGUYỄN MINH	HUYỀN	083 / 001824	THCS Ngọc Châu	P. HẢI DƯƠNG	6,00	
196	PHẠM THỊ VÂN	KHÁNH	083 / 001837	THCS Hồng Khê	X. BÌNH GIANG	6,00	
197	VŨ NGỌC	LAM	084 / 001839	THCS Phú Thái	X. PHÚ THÁI	6,00	
198	ĐỖ THỊ KHÁNH	LINH	084 / 001843	THCS Cẩm Phúc	X. MAO ĐIỂN	6,00	
199	TIÊU HUỆ	LINH	084 / 001850	THCS Chu Văn An	X. THANH HÀ	6,00	
200	TRẦN HẢI	LINH	084 / 001852	THCS Quảng Nghiệp	X. TÂN KỸ	6,00	
201	NGUYỄN MINH	NGA	085 / 001868	THCS Chu Văn An	X. THANH HÀ	6,00	
202	DƯƠNG THỊ MINH	NGỌC	085 / 001878	THCS Phạm Sư Mạnh	P. KINH MÓN	6,00	
203	ĐOÀN THỊ HỒNG	NHUNG	086 / 001888	THCS Bình Xuyên	X. THƯỢNG HỒNG	6,00	
204	NGUYỄN THỊ KIM	OANH	086 / 001894	THCS Hồng Quang	X. BẮC THANH MIỆN	6,00	
205	NGUYỄN ÁNH	PHƯƠNG	086 / 001897	THCS Văn Hội	X. HỒNG CHÁU	6,00	
206	TRỊNH VIỆT	THẮNG	087 / 001912	THCS Ngọc Liên	X. CẨM GIANG	6,00	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THI/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
207	NGUYỄN NGỌC MINH	TRANG	088 / 001926	THCS Hưng Đạo	X. ĐẠI SƠN	6,00	
208	TRẦN YẾN	TRANG	088 / 001930	THCS Quang Thành	X. NAM AN PHỤ	6,00	
209	ĐẶNG MINH	TỬ	088 / 001938	TH-THCS Nhân Huệ	P. CHÍ LINH	6,00	
210	NGUYỄN HÀ	VY	088 / 001942	THCS Ngọc Châu	P. HẢI DƯƠNG	6,00	
211	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VY	088 / 001944	THCS Nguyễn Trãi	X. NAM SÁCH	6,00	
212	NGUYỄN THỊ NGỌC	AN	033 / 000707	THCS Tô Hiệu	P. LÊ CHÂN	5,75	
213	ĐỖ THỊ MAI	ANH	033 / 000713	THCS Nguyễn Văn Cừ	P. HÒA BÌNH	5,75	
214	LƯƠNG NGỌC	ANH	033 / 000718	THCS Tam Cường	X. VĨNH AM	5,75	
215	NGUYỄN NGỌC HẢI	ANH	033 / 000721	THCS Đông Hải	P. ĐÔNG HẢI	5,75	
216	VŨ THỊ NGỌC	ÁNH	034 / 000737	THCS Lập Lễ	P. NAM TRIỆU	5,75	
217	PHẠM THỊ THANH	BÌNH	034 / 000741	THCS Quang Trung	P. NGÔ QUYẾN	5,75	
218	VŨ THỊ	DOAN	034 / 000753	THCS Tam Cường	X. VĨNH AM	5,75	
219	NGUYỄN HOÀNG	DŨNG	035 / 000754	THCS An Đà	P. GIA VIÊN	5,75	
220	TRẦN TIẾN	ĐẠT	035 / 000765	THCS Lê ích Mộc	P. THỦY NGUYỄN	5,75	
221	PHẠM MINH	ĐỨC	035 / 000767	THCS Nguyễn Bá Ngọc	P. AN BIÊN	5,75	
222	LÊ VÂN	HÀ	035 / 000775	THCS Lạc Viên	P. NGÔ QUYẾN	5,75	
223	NGUYỄN THỊ HỒNG	HẠNH	035 / 000777	THCS Nguyễn Bình Khiêm	X. VĨNH BẢO	5,75	
224	TRẦN VŨ	HẢO	036 / 000778	THCS Lương Khánh Thiện	P. PHÙ LIẾN	5,75	
225	VŨ THANH	HOA	036 / 000787	THCS Kiến Thiết	X. TÂN MINH	5,75	
226	NGUYỄN THỊ LAN	HƯƠNG	036 / 000795	THCS Nguyễn Bình Khiêm	X. VĨNH BẢO	5,75	
227	PHẠM NGỌC	KHÁNH	036 / 000800	THCS Đa Phúc	P. HUNG ĐẠO	5,75	
228	NGUYỄN VI	LÂM	037 / 000803	THCS Trần Phú	P. PHÙ LIẾN	5,75	
229	LIU HÀ	LINH	037 / 000811	THCS Thị trấn Cát Bà	ĐẶC KHU CÁT HẢI	5,75	
230	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LINH	037 / 000825	THCS Chấn Hưng	X. CHẤN HUNG	5,75	
231	ĐỖ TUỆ	MINH	038 / 000840	THCS Nam Sơn	P. AN DƯƠNG	5,75	
232	BẠCH THỊ KIM	NGÂN	039 / 000850	THCS Võ Thị Sáu	P. AN BIÊN	5,75	
233	NGUYỄN LÊ KHÁNH	NGỌC	039 / 000855	THCS Tự Cường	X. QUYẾT THẮNG	5,75	
234	NGUYỄN THỊ NHƯ	NGỌC	039 / 000857	THCS Hòa Bình	P. HÒA BÌNH	5,75	
235	TRẦN BẢO	NGỌC	039 / 000860	THCS Thủy Đường	P. THỦY NGUYỄN	5,75	
236	LƯƠNG THANH	NHÀN	039 / 000866	THCS Đông Minh	X. VĨNH HẢI	5,75	
237	PHẠM YẾN	NHI	039 / 000871	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	5,75	
238	ĐỒNG NGUYỄN MINH	TÂM	040 / 000892	THCS Nguyễn Chuyên Mỹ	X. AN HUNG	5,75	
239	VÕ LÊ ANH	THẢO	041 / 000906	THCS Hồng Bàng	P. HỒNG BÀNG	5,75	
240	VU THỊ MINH	THẢO	041 / 000907	THCS Hùng Thắng	X. HÙNG THẮNG	5,75	
241	NGUYỄN THÙY	TRANG	041 / 000920	THCS Dương Quan	P. THỦY NGUYỄN	5,75	
242	PHẠM THỊ MINH	TRANG	042 / 000922	THCS Trảng Cát	P. HẢI AN	5,75	
243	NGUYỄN CẨM	VÂN	042 / 000927	THCS Lê Chân	P. AN BIÊN	5,75	
244	PHẠM HÀ	VY	042 / 000934	THCS Trương Công Định	P. LÊ CHÂN	5,75	
245	HỒ QUỲNH	ANH	080 / 001750	THCS Quang Minh	X. TRƯỜNG TÂN	5,75	
246	NGUYỄN TRẦN LAN	ANH	080 / 001759	THCS Đoàn Tùng	X. NGUYỄN LƯƠNG BẰNG	5,75	
247	ĐẶNG THỊ QUỲNH	CHI	081 / 001777	THCS An Sinh	P. PHẠM SỬ MẠNH	5,75	
248	ĐỖ HÀ	CHI	081 / 001778	THCS Cổ Dũng	X. LAI KHÉ	5,75	
249	NGUYỄN QUỲNH	CHI	081 / 001782	THCS Thành Nhân	X. NINH GIANG	5,75	
250	PHẠM HOÀNG KHÁNH	CHI	081 / 001784	THCS Thanh Hồng	X. HÀ ĐÔNG	5,75	
251	LÊ THỊ HOA	DIỄN	081 / 001787	THCS Tuấn Việt	X. LAI KHÉ	5,75	
252	TRẦN NGỌC	DIỆP	081 / 001793	THCS Đông Lạc	P. LÊ ĐẠI HÀNH	5,75	
253	LÊ THÙY	DUNG	082 / 001794	THCS Thạch Lỗi	X. CẨM GIANG	5,75	
254	PHẠM NGỌC	HÀ	082 / 001810	THCS Toàn Thắng	X. GIA PHÚC	5,75	
255	LƯƠNG THỊ THANH	HOA	083 / 001819	THCS An Phụ	P. TRẦN LIỄU	5,75	
256	VŨ THỊ MINH	HÒA	083 / 001821	THCS Nghĩa An	X. VĨNH LAI	5,75	
257	ĐỒNG QUỲNH	NGA	085 / 001867	THCS Tiên Động	X. LẠC PHƯỢNG	5,75	
258	NGUYỄN KIM	NGÂN	085 / 001872	THCS Lê Quý Đôn	P. LÊ THANH NGHỊ	5,75	
259	PHẠM MINH	NHI	086 / 001886	THCS Chu Văn An	X. THANH HÀ	5,75	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THI/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
260	NGUYỄN THỊ NGỌC	THẢO	087 / 001909	THCS Tân Hưng	P. TÂN HUNG	5,75	
261	ĐÀO ANH	THƯ	087 / 001915	THCS Thanh Hải	X. HÀ TÂY	5,75	
262	PHẠM ANH	THƯ	087 / 001918	THCS Minh Tân	P. NHỊ CHIẾU	5,75	
263	NGUYỄN THỊ NGÂN	TRÚC	088 / 001935	THCS Phạm Sư Mạnh	P. KINH MÓN	5,75	
264	NGUYỄN HÀ	VY	088 / 001941	THCS Tân Kỳ	X. TÂN KỶ	5,75	
265	TRỊNH VŨ TÂM	ANH	034 / 000730	THCS Hồng Bàng	P. HỒNG BÀNG	5,50	
266	VŨ HÀ NGÂN	ANH	034 / 000731	THCS Đông Minh	X. VINH HẢI	5,50	
267	VŨ THỊ MINH	ÁNH	034 / 000736	THCS Cấp Tiến - Bạch Đằng	X. TÂN MINH	5,50	
268	PHẠM NGỌC MINH	CHÂU	034 / 000745	THCS Anh Dũng	P. HUNG ĐẠO	5,50	
269	ĐINH THẢO MAI	CHI	034 / 000748	THCS Lập Lễ	P. NAM TRIỆU	5,50	
270	TRỊNH THỊ QUỲNH	CHI	034 / 000751	THCS Mỹ Đức	X. AN KHÁNH	5,50	
271	NGUYỄN TUẤN	DUƠNG	035 / 000763	THCS Lương Khánh Thiện	X. AN LÃO	5,50	
272	VŨ ĐẶNG HẰNG	GIANG	035 / 000774	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	5,50	
273	NGUYỄN MINH	HẰNG	036 / 000780	THCS Tiên Lãng	X. TIÊN LÃNG	5,50	
274	PHẠM THỊ GIA	HÂN	036 / 000783	THCS Đoàn Xá	X. KIẾN HẢI	5,50	
275	PHẠM THU	HIỀN	036 / 000784	THCS Việt Tiến-Trung Lập	X. VINH THỊNH	5,50	
276	ĐỖ MINH ÁNH	HỒNG	036 / 000788	THCS Quốc Tuấn	X. AN QUANG	5,50	
277	BÙI BẢO	LINH	037 / 000805	THCS Lê Lợi	P. HẢI AN	5,50	
278	BÙI MỸ	LINH	037 / 000806	THCS Bắc Sơn	P. AN DƯƠNG	5,50	
279	NGUYỄN KHÁNH	LINH	037 / 000820	THCS Trường Thọ	X. AN TRƯỜNG	5,50	
280	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	038 / 000844	THCS Liên Khê	P. LƯU KIỂM	5,50	
281	VŨ THỊ LINH	NGA	038 / 000848	THCS Chu Văn An	P. GIA VIÊN	5,50	
282	NGUYỄN THỊ	NHI	039 / 000869	THCS Tân Viên	X. AN KHÁNH	5,50	
283	TÔ THỊ NGUYỆT	NHI	039 / 000872	THCS Phan Chu Trinh	X. VIỆT KHÊ	5,50	
284	ĐỖ HOÀI	PHƯƠNG	040 / 000881	THCS Trương Công Định	P. LÊ CHÂN	5,50	
285	LÊ HÀ QUỲNH	PHƯƠNG	040 / 000882	THCS Đằng Lâm	P. HẢI AN	5,50	
286	NGUYỄN NGỌC VÂN	THANH	040 / 000895	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	5,50	
287	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	041 / 000902	THCS Kiên Bái	P. THIÊN HƯƠNG	5,50	
288	LÊ ANH	THƠ	041 / 000909	THCS Trần Phú	P. PHÚ LIÊN	5,50	
289	TRẦN ANH	THƯ	041 / 000916	THCS Nguyễn Bình Khiêm	X. VINH BẢO	5,50	
290	ĐOÀN BÁ	VIỆT	042 / 000930	THCS Mỹ Đông	P. LÊ ÍCH MỘC	5,50	
291	NGUYỄN KHÁNH	VY	042 / 000932	THCS Khởi Nghĩa	X. TIÊN LÃNG	5,50	
292	TRẦN NGUYỄN HÀ	ANH	080 / 001768	THCS An Thượng	P. THÀNH ĐÔNG	5,50	
293	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	081 / 001773	THCS Thái Thịnh	P. NGUYỄN ĐẠI NĂNG	5,50	
294	ĐẶNG THỊ NGỌC	BÍCH	081 / 001774	THCS Cộng Hòa	X. AN PHÚ	5,50	
295	PHẠM NGỌC	DIỆP	081 / 001791	THCS Bình Hàn	P. THÀNH ĐÔNG	5,50	
296	TRIỆU THỊ THANH	HẰNG	082 / 001814	THCS An Đức	X. TÂN AN	5,50	
297	ĐOÀN THỊ THU	HIỀN	083 / 001817	THCS Lê Thanh Nghị	X. GIA LỘC	5,50	
298	TRẦN THỊ	HIỀN	083 / 001818	THCS Cẩm Vũ	X. TUỆ TÍNH	5,50	
299	VŨ PHƯƠNG	HOA	083 / 001820	THCS Lê Thanh Nghị	X. GIA LỘC	5,50	
300	PHẠM KHÁNH	HUYỀN	083 / 001826	THCS Phú Thứ	P. NHỊ CHIẾU	5,50	
301	PHẠM THỊ KHÁNH	HUYỀN	083 / 001827	THCS Hùng Thắng	X. KÊ SẮT	5,50	
302	NGUYỄN THỊ THANH	HƯƠNG	083 / 001834	THCS Chí Minh	P. CHU VĂN AN	5,50	
303	NGUYỄN VŨ ĐAN	KHANH	083 / 001835	THCS Ứng Hòa	X. VINH LẠI	5,50	
304	NGUYỄN TRÚC BẢO	LINH	084 / 001847	THCS Văn An	P. CHU VĂN AN	5,50	
305	VŨ THANH	MAI	085 / 001861	THCS Lê Ninh	P. BẮC AN PHỤ	5,50	
306	LÃ TIẾN	MINH	085 / 001862	THCS Ngô Gia Tự	P. HẢI DƯƠNG	5,50	
307	VŨ THANH	NGA	085 / 001869	THCS Nguyễn Trãi	P. NGUYỄN TRÃI	5,50	
308	TỔNG THỊ KIM	NGÂN	085 / 001874	THCS An Bình	X. AN PHÚ	5,50	
309	NGUYỄN HUYỀN	TRANG	087 / 001924	THCS Toàn Thắng	X. GIA PHÚC	5,50	
310	PHẠM VIỆT	TRINH	088 / 001933	THCS Phan Bội Châu	X. TỬ KỶ	5,50	
311	NGUYỄN THỊ CẨM	VY	088 / 001943	THCS Quang Thành	X. NAM AN PHỤ	5,50	
312	PHẠM THỊ HẢI	YẾN	088 / 001947	THCS Hà Thanh	X. NGUYỄN GIÁP	5,50	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THI/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
313	ĐỖ NGỌC	ANH	033 / 000712	THCS Hồng Phong	P. AN PHONG	5,25	
314	NGUYỄN THỊ HẢI	ANH	033 / 000724	THCS Chu Văn An	P. GIA VIÊN	5,25	
315	PHẠM KIỀU	ANH	033 / 000726	THCS Quán Toan	P. HỒNG AN	5,25	
316	TRẦN PHƯƠNG	ANH	033 / 000728	THCS Lương Khánh Thiện	P. PHÙ LIỄN	5,25	
317	VŨ THỊ NGÂN	ANH	034 / 000733	THCS Thị Trấn Núi Đồi	X. KIẾN THỤY	5,25	
318	CAO THỊ QUỲNH	CHI	034 / 000746	THCS Hợp Thành	P. LÊ ÍCH MỘC	5,25	
319	ĐỖ THỊ NGỌC	HÂN	036 / 000781	THCS Ngọc Hải	P. ĐỖ SƠN	5,25	
320	VŨ THỊ THANH	HIỂN	036 / 000785	THCS Lý Học - Liên Am - Cao Minh	X. NGUYỄN BÌNH KHIÊM	5,25	
321	VŨ NGỌC	KHÁNH	036 / 000801	THCS Minh Tân	X. KIẾN MINH	5,25	
322	ĐẶNG THỊ ANH	KHOA	037 / 000802	THCS Tân Viên	X. AN KHÁNH	5,25	
323	ĐINH THỊ HÀ	LINH	037 / 000807	THCS Thị trấn Cát Bà	ĐẶC KHU CÁT HẢI	5,25	
324	NGUYỄN NGỌC	LINH	037 / 000821	THCS Đông Thái	P. AN HẢI	5,25	
325	NGUYỄN NGỌC GIA	LINH	037 / 000823	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	5,25	
326	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LINH	037 / 000824	THCS Lương Khánh Thiện	X. AN LÃO	5,25	
327	NGUYỄN THỤY	LINH	038 / 000827	THCS Tiên Cường	X. QUYẾT THẮNG	5,25	
328	PHẠM HÀ	LINH	038 / 000828	THCS Đại Đông - Đông Phương	X. KIẾN MINH	5,25	
329	BÙI PHƯƠNG	LY	038 / 000835	THCS Đại Bản	P. HỒNG AN	5,25	
330	TRẦN NGỌC	MINH	038 / 000842	THCS Lê Lợi	P. HẢI AN	5,25	
331	VŨ HÀ	MY	038 / 000845	THCS Hoàng Động	P. THIÊN HƯƠNG	5,25	
332	ĐỖ HÀ	PHƯƠNG	040 / 000880	THCS Trần Hưng Đạo	P. LƯU KIỂM	5,25	
333	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	041 / 000901	THCS Đà Nẵng	P. NGÔ QUYẾN	5,25	
334	ĐINH THANH THỦY	TIÊN	041 / 000917	THCS Nam Hà	P. KIẾN AN	5,25	
335	VŨ NGỌC	TRÂM	042 / 000924	THCS Đại Bản	P. HỒNG AN	5,25	
336	HÀ NGUYỄN PHÚC	AN	080 / 001746	THCS Võ Thị Sáu	P. LÊ THANH NGHỊ	5,25	
337	BÙI MAI	ANH	080 / 001747	THCS Văn An	P. CHU VĂN AN	5,25	
338	PHẠM KIM HUỆ	ANH	080 / 001761	THCS Bạch Đằng	P. BẮC AN PHỤ	5,25	
339	PHẠM QUỲNH	ANH	080 / 001763	THCS Ngọc Liên	X. CẨM GIANG	5,25	
340	VŨ NGUYỄN QUỲNH	ANH	081 / 001770	THCS Bình Minh	P. LÊ THANH NGHỊ	5,25	
341	DƯƠNG NGỌC	DIỆP	081 / 001788	THCS Thống Nhất	X. YẾT KIỀU	5,25	
342	PHẠM TRẦN NGỌC	DIỆP	081 / 001792	THCS Tiên Tiến	P. NAM ĐÓNG	5,25	
343	PHẠM NGỌC	HÀ	082 / 001809	THCS Lê Quý Đôn	P. LÊ THANH NGHỊ	5,25	
344	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÂN	083 / 001816	THCS Hồng Hưng	X. GIA PHÚC	5,25	
345	PHẠM THU	HUYỀN	083 / 001828	THCS Phú Thứ	P. NHỊ CHIỂU	5,25	
346	VŨ KHÁNH	HUYỀN	083 / 001829	THCS Đông Lạc	P. LÊ ĐẠI HÀNH	5,25	
347	ĐINH NGỌC	HƯƠNG	083 / 001831	TH-THCS Nam Chính	X. TRẦN PHÚ	5,25	
348	ĐẶNG THỊ THANH	MAI	084 / 001858	THCS Ngũ Phúc	X. AN THÀNH	5,25	
349	NGUYỄN THỊ	MAI	084 / 001859	THCS Quảng Nghiệp	X. TÂN KỶ	5,25	
350	NGUYỄN HÀ	MY	085 / 001865	THCS Nguyễn Trãi	P. NGUYỄN TRÃI	5,25	
351	VŨ THỊ KIM	NGÂN	085 / 001875	THCS Tân Trào	X. HẢI HUNG	5,25	
352	BÙI KHÁNH	NGỌC	085 / 001876	THCS Lê Quý Đôn	P. LÊ THANH NGHỊ	5,25	
353	VŨ THỊ THẢO	NGUYỄN	086 / 001883	THCS Hồng Quang	X. BẮC THANH MIỆN	5,25	
354	VŨ THỊ KHÁNH	NHI	086 / 001887	THCS Long Xuyên	X. BÌNH GIANG	5,25	
355	MẠC THỊ PHƯƠNG	NHUNG	086 / 001889	THCS An Phụ	P. TRẦN LIẾU	5,25	
356	NGUYỄN MAI	PHƯƠNG	086 / 001898	THCS Chu Văn An	X. THANH HÀ	5,25	
357	TRẦN THỊ MAI	PHƯƠNG	086 / 001899	THCS Ngũ Phúc	X. AN THÀNH	5,25	
358	KIỀU NGỌC	SANG	086 / 001900	THCS Hà Kỳ	X. NGUYỄN GIÁP	5,25	
359	NGUYỄN THỊ THANH	THANH	087 / 001904	THCS Nghĩa An	X. VINH LẠI	5,25	
360	BÙI PHƯƠNG	THẢO	087 / 001905	THCS Tân Hương	X. VINH LẠI	5,25	
361	PHẠM ĐAN	THY	087 / 001919	THCS Phan Bội Châu	X. TỬ KỶ	5,25	
362	ĐÀM THỤY	TRANG	087 / 001922	THCS Tân Quang II	X. HỒNG CHÂU	5,25	
363	NGUYỄN HÀ	TRANG	087 / 001923	THCS Thanh Giang	X. NAM THANH MIỆN	5,25	
364	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	088 / 001936	THCS Cẩm Hoàng	X. CẨM GIANG	5,25	
365	ĐÀO MAI	ANH	033 / 000710	THCS Đông Hải	P. ĐÔNG HẢI	5,00	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THI/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
366	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	033 / 000725	THCS Hòa Bình-Trần Dương	X. NGUYỄN BÌNH KHIÊM	5,00	
367	ĐÀO HÀ	CHI	034 / 000747	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	5,00	
368	NGUYỄN ÁNH	DƯƠNG	035 / 000761	THCS An Đông	P. AN HẢI	5,00	
369	PHẠM HỒNG	GIANG	035 / 000772	THCS Hồng Thái	P. AN HẢI	5,00	
370	TRẦN THU	GIANG	035 / 000773	THCS Giang Biên	X. VĨNH THUẬN	5,00	
371	LUU MINH	HÀNG	036 / 000779	THCS Hòa Nghĩa	P. DƯƠNG KINH	5,00	
372	PHẠM VĂN	HIỆP	036 / 000786	THCS Tú Sơn	X. KIẾN HẢI	5,00	
373	ĐINH THỊ KHÁNH	HUYỀN	036 / 000791	THCS Phả Lễ	P. NAM TRIỆU	5,00	
374	NGUYỄN THỊ LAN	HƯƠNG	036 / 000796	TH-THCS Tân Phong	X. KIẾN HẢI	5,00	
375	NGUYỄN DIỆU	LINH	037 / 000814	THCS Liên Khê	P. LƯU KIỂM	5,00	
376	NGUYỄN HẢI	LINH	037 / 000817	THCS Nam Sơn	P. AN DƯƠNG	5,00	
377	TRỊNH LÊ PHƯƠNG	LINH	038 / 000832	THCS Trần Văn Ôn	P. HỒNG BÀNG	5,00	
378	LẠI NHUNG	LƯƠNG	038 / 000834	THCS Hồng Bàng	P. HỒNG BÀNG	5,00	
379	VŨ MINH	NGUYỆT	039 / 000865	THCS Trương Công Định	P. LÊ CHÂN	5,00	
380	LÊ NGUYỄN HÀ	NHƯ	040 / 000876	THCS Minh Đức	P. BẠCH ĐĂNG	5,00	
381	BÙI THỊ ANH	PHƯƠNG	040 / 000878	THCS Lê Chân	P. AN BIÊN	5,00	
382	ĐỖ THỊ	TÂM	040 / 000891	THCS Lê Lợi	P. AN DƯƠNG	5,00	
383	HOÀNG PHƯƠNG	THẢO	041 / 000898	THCS Hòa Bình-Trần Dương	X. NGUYỄN BÌNH KHIÊM	5,00	
384	VŨ THỊ PHƯƠNG	THẢO	041 / 000908	THCS Tam Hưng	P. NAM TRIỆU	5,00	
385	ĐÀO MINH	THƯ	041 / 000912	THCS Kiến Phúc	X. NGHI DƯƠNG	5,00	
386	BÙI TRANG	VI	042 / 000928	THCS Anh Dũng	P. HUNG ĐẠO	5,00	
387	NGUYỄN HOÀNG	YẾN	042 / 000937	THCS Tân Thắng	X. AN LÃO	5,00	
388	TRẦN NGUYỄN HẢI	YẾN	042 / 000940	THCS Phả Lễ	P. NAM TRIỆU	5,00	
389	NGUYỄN HẢI	ANH	080 / 001755	THCS Phạm Kha	X. NGUYỄN LƯƠNG BÀNG	5,00	
390	VŨ DƯƠNG BẢO	CHÂM	081 / 001775	THCS Chu Văn An	P. TRẦN HUNG ĐẠO	5,00	
391	NGUYỄN KHÁNH	CHI	081 / 001780	THCS Trần Phú	P. THÀNH ĐÔNG	5,00	
392	NGUYỄN THỊ THÙY	CHI	081 / 001783	THCS Việt Hồng	X. HÀ BẮC	5,00	
393	NGUYỄN NGỌC	DIỆP	081 / 001789	THCS Nam Đông	P. NAM ĐÔNG	5,00	
394	PHẠM HÀ	GIANG	082 / 001802	THCS Kê Sắt	X. KÊ SẮT	5,00	
395	TRƯỜNG THỊ	HẢI	082 / 001812	THCS Minh Hòa	P. NGUYỄN ĐẠI NĂNG	5,00	
396	NGUYỄN THÚY	NGUYỄN	086 / 001882	THCS Cộng Hòa	X. AN PHÚ	5,00	
397	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	NHI	086 / 001885	THCS Nam Hưng	X. HỢP TIẾN	5,00	
398	BÙI THÙY	TRANG	087 / 001921	THCS Phú Thái	X. PHÚ THÁI	5,00	
399	PHẠM ÁNH	TRANG	088 / 001928	THCS Tân Trường	X. MAO ĐIỂN	5,00	
400	HOÀNG MINH	ANH	033 / 000717	THCS Kiên Bái	P. THIÊN HƯƠNG	4,75	
401	NGÔ NGỌC	ANH	033 / 000720	THCS Trần Phú	P. PHÚ LIỄN	4,75	
402	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	033 / 000722	TH-THCS Hưng Nhân	X. VĨNH HẢI	4,75	
403	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	033 / 000723	THCS An Hòa	X. VĨNH HÒA	4,75	
404	PHẠM QUỲNH	ANH	033 / 000727	TH-THCS Vạn Hương	P. ĐỒ SƠN	4,75	
405	TRẦN PHƯƠNG	ANH	033 / 000729	THCS Trần Hưng Đạo	P. KIẾN AN	4,75	
406	VŨ HOÀNG BẢO	CHÂM	034 / 000742	THCS Ngũ Đoan	X. KIẾN HUNG	4,75	
407	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	CHI	034 / 000750	THCS Nguyễn Bá Ngọc	P. AN BIÊN	4,75	
408	NGÔ ĐAN	HƯƠNG	036 / 000794	THCS Tân Viên	X. AN KHÁNH	4,75	
409	NGUYỄN THỊ NGÂN	KHÁNH	036 / 000798	THCS An Dương	P. AN DƯƠNG	4,75	
410	VŨ MỘC	LÂM	037 / 000804	THCS Anh Dũng	P. HUNG ĐẠO	4,75	
411	VŨ THỊ KHÁNH	LINH	038 / 000833	THCS Vinh Quang	X. HÙNG THẮNG	4,75	
412	NGUYỄN HIỂN	NGA	038 / 000847	THCS An Dương	P. AN DƯƠNG	4,75	
413	VŨ MINH	NHI	040 / 000874	THCS Hòa Nghĩa	P. DƯƠNG KINH	4,75	
414	CAO NGUYỄN THÙY	PHƯƠNG	040 / 000879	THCS Đăng Lâm	P. HẢI AN	4,75	
415	ĐỖ THANH	TÂM	040 / 000890	THCS Hòa Bình-Trần Dương	X. NGUYỄN BÌNH KHIÊM	4,75	
416	NGUYỄN BẢO	TRẦN	042 / 000925	THCS Bắc Sơn	P. KIẾN AN	4,75	
417	NGUYỄN HÀ	CHI	081 / 001779	THCS Đông Quang	X. TRƯỜNG TÂN	4,75	
418	VŨ LINH	ĐAN	082 / 001797	THCS Ngô Quyền	X. HẢI HUNG	4,75	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THU/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
419	NGUYỄN THỊ LAN	HƯƠNG	083 / 001833	THCS Ngọc Sơn	P. TÂN HÙNG	4,75	
420	DUƠNG BẢO	NGỌC	085 / 001877	THCS Chu Văn An	X. THANH HÀ	4,75	
421	NGUYỄN THỊ	NHUNG	086 / 001890	THCS Hồng Hưng	X. GIA PHÚC	4,75	
422	ĐINH THU	UYÊN	088 / 001939	THCS Phan Bội Châu	X. TỬ KỶ	4,75	
423	LIU HÀ	ANH	033 / 000719	THCS Tân Tiến	P. AN DƯƠNG	4,50	
424	LÊ QUỐC	BÁCH	034 / 000738	THCS Ngô Quyền	P. LÊ CHÂN	4,50	
425	ĐỖ LÊ BẢO	KHÁNH	036 / 000797	THCS Lý Học - Liên Am - Cao Minh	X. NGUYỄN BÌNH KHIÊM	4,50	
426	PHÙNG CHI	LINH	038 / 000830	THCS An Hồng	P. HỒNG AN	4,50	
427	ĐỖ DƯƠNG GIA	LY	038 / 000836	THCS Ngũ Lão	P. BẠCH ĐĂNG	4,50	
428	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG	MAI	038 / 000838	THCS Thiên Hương	P. THIÊN HƯƠNG	4,50	
429	LƯƠNG BÍCH	THẢO	041 / 000899	THCS Lương Khánh Thiện	X. AN LÃO	4,50	
430	LIU PHƯƠNG	THẢO	041 / 000900	THCS An Dương	P. AN DƯƠNG	4,50	
431	NGUYỄN ANH	THU	087 / 001916	THCS Hoàn Sơn	P. NHỊ CHIẾU	4,50	
432	HOÀNG BẢO	ANH	033 / 000716	THCS Đằng Lâm	P. HẢI AN	4,25	
433	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	041 / 000903	THCS Hữu Bằng	X. KIẾN THỤY	4,25	
434	ĐỖ HẢI	YẾN	088 / 001946	THCS Cao An	P. VIỆT HOA	4,25	
435	VŨ NGỌC AN	KHUÊ	084 / 001838	THCS An Lâm	X. AN PHÚ	4,00	
436	NGUYỄN THANH	THÚY	087 / 001914	THCS Việt Hồng	X. HÀ BẮC	3,75	
437	PHẠM VŨ NGỌC	LINH	084 / 001848	THCS ái Quốc	P. AI QUỐC	3,50	

(Danh sách gồm: 437 thí sinh)

